

Số/号: []

THỎA THUẬN BẢO MẬT THÔNG TIN VÀ KHÔNG CẠNH TRANH

非競争・秘密保持 合意書

Thỏa T
vào ng
この非
に基づ

ận”) được lập
giữa:
名・履行の合意

ご利用いただくにはパスワードが必要です。

BÊN S
情報所

Tên cô
会社名

Địa chỉ
住所

Điện thoại
電話番号

Đại diện bởi Ông/Bà :

Chức vụ:
役職 []

Ngày thá
生年月日

Số hộ ch
パスポー

ライブラリ会員のお客様は、
「資料ダウンロード」から
パスワードを入力ください。

BÊN ĐU
情報受領

Họ và tên
氏名

Chức vụ
職務

Ngày thá
生年月日

Số CMN
IDカード

パスワードをお持ちでない方は、ぜひ
「お問合せ」よりお申込みください。

Địa chỉ thường trú
居住登記場所

Địa chỉ cư trú
現住所

- Thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính và lợi nhuận của Công Ty;
会社の財務状況、生産状態、収益に関する情報。
- Thông tin quan trọng về chiến lược quản lý kinh doanh như hợp tác kỹ thuật, hợp tác kinh doanh với công ty liên kết hoặc công ty khác, chiến lược tiếp thị, chiến lược sản phẩm, kế hoạch nghiên cứu phát triển, cũng như các kế hoạch kinh doanh trung dài hạn (ngắn hạn và dài hạn) của Công ty;
展研究計画、
- **ご利用いただくにはパスワードが必要です。**
- Thông tin về sản phẩm, sản phẩm và các yếu tố
製品構造、
生産製品、テストの製品などの情報。
- Tài liệu kỹ thuật, công nghệ, bản vẽ, các tính toán, thuyết minh thiết kế, v.v...;
設計説明書、計算書、図面、技術、技術書類など。
- Thông tin liên quan đến khách hàng và nhà cung cấp;
顧客および提供者に関する情報。
- Thông tin có nguồn gốc từ Thông Tin Mật;
機密情報から派生した情報。
- Thông tin khác được Công ty xác định là thông tin mật.
そのほか会社が秘密情報と定める情報。

1.2 **Thông Tin Mật** 本秘密

- N
m
本
行
ライブラリ会員のお客様は、
「資料ダウンロード」から
パスワードを入力ください。
- N
Tl
nh
th
m
第
ら
合
パスワードをお持ちでない方は、ぜひ
「お問合せ」よりお申込みください。
- N
会
ổ rộng rãi
khác;
の他の違法
ác ("Bên
; Ty, theo
ợc những
ay bất kỳ
理的に信じ
第三者から

1.3 Thuật ngữ "**Công Ty**" được sử dụng trong Thỏa Thuận này, tùy từng trường hợp cụ thể và ngữ cảnh phù hợp, sẽ bao gồm: Người đại diện theo pháp luật, các thành viên ban lãnh đạo, các nhân viên, các đại lý và các đại diện hợp pháp khác của Công Ty hoặc do Công Ty chỉ định.
本合意書における「会社」とは、特定場面および適切な文脈によって、法的代表者、経営陣、一切の従業員、代理店、および会社の指定によるその他の合法的な代理人のことをいう。

ĐIỀU 2: XÁC ĐỊNH CHỦ SỞ HỮU THÔNG TIN MẬT 第二条 秘密情報の帰属

- 2.1 Trong các trường hợp Công Ty sử dụng Nhân Viên với tư cách là người lao động, chuyên gia, nhà thầu của Công Ty để thực hiện các công việc phục vụ các mục đích của Công Ty, và thực tế trong quá trình Nhân Viên thực hiện công việc, đã tạo ra hoặc có được các thông tin mang tính chất là Thông Tin Mật, thì những thông tin này hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của Công Ty (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản). Nhân Viên phải có trách nhiệm bảo vệ và giữ bí mật các thông tin này, không được tiết lộ hoặc cung cấp cho bất kỳ ai khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty. Nhân Viên phải chịu trách nhiệm về việc tiết lộ hoặc cung cấp thông tin này cho bất kỳ ai khác. Công Ty có quyền truy cập và kiểm tra các thiết bị của Nhân Viên để xác định mức độ bảo mật của thông tin. Công Ty có quyền xóa bỏ hoặc ẩn đi các thông tin không cần thiết và có thể xóa bỏ hoặc ẩn đi các thông tin không cần thiết. Công Ty có quyền xóa bỏ hoặc ẩn đi các thông tin không cần thiết.
- 2.2 Công Ty có quyền truy cập và kiểm tra các thiết bị của Nhân Viên để xác định mức độ bảo mật của thông tin. Công Ty có quyền xóa bỏ hoặc ẩn đi các thông tin không cần thiết và có thể xóa bỏ hoặc ẩn đi các thông tin không cần thiết.

ご利用いただくにはパスワードが必要です。

ĐIỀU 3: TIẾT LỘ THÔNG TIN MẬT

第三条 秘密情報の開示

- 3.1 Nhân Viên đồng ý không tiết lộ bất kỳ Thông Tin Mật nào cho bất kỳ người nào ngoại trừ: 従業員は次の場合を除き、いかなる者にも機密情報を開示しないことに同意する。
- (a) Với sự chấp thuận bằng văn bản của Công Ty; hoặc、
会社の書面による同意がある場合、または
- (b) Nhân Viên được yêu cầu phải cung cấp Thông Tin Mật theo quyết định của Công Ty, hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. 従業員は、会社の決定、法律の規定、または政府機関からの要求に従って、機密情報を開示する必要がある場合、同意する。
- 3.2 Nhân Viên phải có trách nhiệm bảo vệ và giữ bí mật các thông tin này, không được tiết lộ hoặc cung cấp cho bất kỳ ai khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty. 従業員は、機密情報を保護し、秘密に保つておく義務を負います。機密情報は、会社の決定、法律の規定、または政府機関からの要求に従って開示される場合があります。機密情報は、会社の決定、法律の規定、または政府機関からの要求に従って開示される場合があります。
- 3.3 Nhân Viên phải có trách nhiệm bảo vệ và giữ bí mật các thông tin này, không được tiết lộ hoặc cung cấp cho bất kỳ ai khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty. 従業員は、機密情報を保護し、秘密に保つておく義務を負います。機密情報は、会社の決定、法律の規定、または政府機関からの要求に従って開示される場合があります。機密情報は、会社の決定、法律の規定、または政府機関からの要求に従って開示される場合があります。

ĐIỀU 4

第四条

- 4.1 Bảo đảm an toàn và giữ bí mật nghiêm ngặt tất cả các Thông Tin Mật hoặc các thông tin có nguồn gốc từ Thông Tin Mật về nội dung cũng như hình thức đã được Công Ty cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kể bằng văn bản hay bằng miệng, trước hoặc sau ngày ký Thỏa Thuận này. 本合意書を締結した時点、それ以前またはそれ以降に会社から口頭または書面をもって直接的または間接的に提供された全ての機密情報またはそれから派生した情報に対しては、内容および形式を厳重に保管および保持すること。
- 4.2 Trừ khi có sự đồng ý của Công Ty (bất kể bằng văn bản, bằng miệng, hay qua thư điện tử, hoặc qua một phương tiện nào khác tương tự, thể hiện việc chấp thuận đó), Nhân Viên sẽ không thực hiện sao

chép, biên tập hoặc chuyển hóa nội dung của bất kỳ Thông Tin Mật nào đã được Công Ty cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp, bằng văn bản hay bằng miệng, trước hoặc sau ngày ký Thỏa Thuận này.

会社の同意がある場合を除き、従業員は、本合意書を締結した時点、それ以前またはそれ以降に会社から直接的または間接的に提供されたいかなる秘密情報（その同音を表明する書面、口頭、電子メール、またはその他の同様の形式）を、本合意書上の義務と同等の秘密保持義務を負うよう最善を尽くすこと。

4.3 Hạn phạm mục nguồn tượng quy định

ご利用いただくにはパスワードが必要です。

Mật, trong quan đến ông tin có m bảo đoi ân thủ các

本合意

情報または

それから派生した情報の使用を制限する。機密情報またはそれから派生した情報を許可されたいかなる者へ開示する前に、従業員は、その者がその該当情報の機密性を理解し、本合意書上の義務と同等の秘密保持義務を負うよう最善を尽くすこと。

4.4 Không tiết lộ hay tạo điều kiện cho bất kỳ bên thứ ba nào tiếp cận với các Thông Tin Mật hoặc các thông tin có nguồn gốc từ Thông Tin Mật, và phải nỗ lực hết sức mình để bảo đảm rằng những người có liên quan hoặc đại diện của mình sẽ không tiết lộ hay tạo điều kiện cho bất kỳ bên thứ ba nào tiếp cận được với các Thông Tin Mật hoặc các thông tin có nguồn gốc từ Thông Tin Mật.

機密情報またはそれから派生した情報については、開示しない、または第三者がこの情報にアクセスするため、従業員は、その者がその該当情報の機密性を理解し、本合意書上の義務と同等の秘密保持義務を負うよう最善を尽くすこと。

4.5 Ngay cả cá bản c hoặc khôi yêu c chứn;

ライブラリ会員のお客様は、「資料ダウンロード」からパスワードを入力ください。

ông Ty tất tất cả các h điện tử; cho việc thiết, theo ững bằng

従業員 ファ 会社の 秘密情

パスワードをお持ちでない方は、ぜひ「お問合せ」よりお申込みください。

された物、または (ii) 業員がその

4.6 Trườ Công hoặc

Nhân Viên, và ương mọi nhân viên sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định của pháp luật tương ứng áp dụng đối với hành vi vi phạm cụ thể đó.

従業員は、秘密情報を開示または漏洩し、直接的または間接的に会社に損害を与える場合には、会社の確認に基づいて従業員の過失または本契約の違反により過去・現在・将来における該当損害を会社に賠償する義務を負う、かつその具体的な違反行為に適用される関連法に基づく法的責任を負うこと。

n tiếp cho i đã, đang của Nhân

ĐIỀU 5: TRẢ LẠI THÔNG TIN MẬT

第五条 秘密情報の返還

5.1 Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều 4.5 của Thỏa Thuận này, nếu Nhân Viên không còn là nhân viên của Công Ty, Nhân Viên phải ngay lập tức giao và trả lại cho Công Ty mọi hồ sơ, dữ liệu hoặc các văn bản khác có chứa đựng Thông Tin Mật mà Nhân Viên đang có, có quyền sử dụng hoặc kiểm soát.

7.4 Nhân Viên sẽ không sử dụng tại bất kỳ thời điểm nào bất kỳ tên thương mại nào có chứa logo, nhãn hiệu hàng hóa hoặc tên thương mại, biểu tượng, tên kinh doanh về căn bản giống hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hoặc tên kinh doanh đã được Công ty, đăng ký sở hữu hoặc sử dụng.

従業員は、会社が既に第三者の登録または使用している商標または商品と実質的に同一または紛らわしいほど類似

ĐIỀU 8
第八条

ご利用いただくにはパスワードが必要です。

Công Ty
một bên
của bản
thông tin

hoặc bất kỳ
, về sự tồn tại
ể tiếp cận các
i Công Ty do

việc rò rỉ thông tin gây ra bởi Nhân Viên, nhưng bên thứ ba này cũng sẽ liên đới chịu trách nhiệm.

会社は、本合意書の存在について、従業員を採用しようとするいかなる企業、または従業員との関係がある、提携する、および受け入れようとするいかなる第三者へも通知する権利を有する。加えてこれらの企業または第三者に、従業員が提供する会社関連情報へのアクセスを制限するよう要求する権利を有する。従業員の漏洩により会社への損害が発生した場合、これらの企業または第三者も連帯し責任を負う。

ĐIỀU 9: VI PHẠM THỎA THUẬN
第九条 違反条項

9.1 Nếu Nhân Viên không tuân theo những cam kết của mình trong Thỏa Thuận này, Công Ty có quyền tiến hành áp dụng các biện pháp cưỡng chế hợp lý để yêu cầu Nhân Viên tuân thủ việc thực hiện cụ thể Thỏa Thuận này. Điều khoản này sẽ không có ý nghĩa là hạn chế Công Ty khỏi việc tiến hành các bước hoặc biện pháp khắc phục khác để thực hiện quyền của mình theo Thỏa Thuận này hoặc thỏa thuận khác, bao gồm khiếu nại đòi bồi thường tổn thất. Công Ty sẽ không thực hiện các quyền đó trừ khi Công Ty đã gửi thông báo bằng văn bản đến Nhân Viên yêu cầu Nhân Viên khắc phục các tổn thất đó

trừ khi Công Ty đã gửi thông báo bằng văn bản đến Nhân Viên yêu cầu Nhân Viên khắc phục các tổn thất đó

従業員は、本合意書に定める義務を履行しない場合、合理的な手段を講ずることを含む、本合意書またはその結果として生じる損失の回復を目的として、通知書に従って

**ライブラリ会員のお客様は、
「資料ダウンロード」から
パスワードを入力ください。**

9.2 N
nl
nl
dc
従
切
用

ũng như chấp
, sẽ chịu trách
í thuê luật sư,

**パスワードをお持ちでない方は、ぜひ
「お問合せ」よりお申込みください。**

会社が被った一
費用及び訴訟費

ĐIỀU 10
第十条

10.1 Bên B phải tuân thủ cho đến khi nào thông tin mật được coi là thông tin Loại I trừ theo nguyên tắc về nghĩa vụ tiếp diễn như quy định tại Điều 6 của Thỏa Thuận này, bất kể thời hạn của Thỏa Thuận đã hết theo điều 10.2.

本合意書は、締結日より発効し、第 10.2 条による期間満了後であっても、秘密情報が本合意書第 6 条の規定に従い除外情報と見なされるまで引き続き有効に存続するものとする。

10.2 Thời hạn của Thỏa Thuận này sẽ bắt đầu kể từ ngày ký kết cho đến khi kết thúc một trong hai thời điểm sau đây, tùy thuộc thời điểm nào đến sớm hơn:

本合意書の有効期間は、締結日から下記のいずれかのうち先に訪れた一方の時点までとする。

- Nhân viên thôi không làm nhân viên của Công ty; hoặc
従業員が会社の従業員でなくなった時点、または
- Các Bên ký kết Thỏa thuận này chỉ có hiệu lực khi được Các Bên ký kết thành văn bản.
この合意書は、本合意書の締結後に有効となり、本合意書の不可欠な別紙と見なされる。

ĐIỀU 11
第十一条

Thỏa Thuận này có hiệu lực kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực của Bản Hợp ý này. 本合意書は、本合意書の締結後に有効となり、本合意書の不可欠な別紙と見なされる。

ライブラリ会員のお客様は、「資料ダウンロード」からパスワードを入力ください。

本合意書は、本合意書の締結後に有効となり、本合意書の不可欠な別紙と見なされる。

パスワードをお持ちでない方は、ぜひ「お問合せ」よりお申込みください。

生じた場合は、本合意書の締結後に有効となり、本合意書の不可欠な別紙と見なされる。

ĐIỀU 12
第十二条

12.1 Thỏa Thuận này chỉ có hiệu lực khi được Các Bên ký kết thành văn bản.

本合意書は、本合意書の締結後に有効となり、本合意書の不可欠な別紙と見なされる。

12.2 Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Thỏa thuận này chỉ có hiệu lực khi được Các Bên ký kết thành văn bản, được coi là một phụ lục không tách rời bản Thỏa thuận này.

本合意書のいかなる修正および補足は、双方が書面にて締結後に有効となり、本合意書の不可欠な別紙と見なされる。

12.3 Thỏa thuận này được làm thành 02 (hai) bản gốc có hiệu lực pháp lý như nhau, sau khi hai bên ký tên đóng dấu, mỗi bên giữ 01 (một) bản gốc để thực hiện.

以上締結の証として、本合意書を2通作成し、双方の署名押印の上、各1通を保持する。

BÊN ĐƯỢC BIẾT THÔNG TIN

(ký và ghi rõ họ tên)

情報受領者

(署名、記名)

BÊN SỞ HỮU THÔNG TIN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

情報所有者

(署名、記名、押印)